

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 423/2023/DS-ST  
Ngày: 29-11-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản.

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Ông Bùi Xuân Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau:** Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng L, sinh năm 1969 và bà Dương Hồng C, sinh năm 1969; cùng địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Thanh M, sinh năm 1975 (Vắng mặt) và bà Phạm Mai T, sinh năm 1976 (Có mặt); cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án của phía nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 11/02/2023 đến ngày 05/6/2023, ông L, bà C có mua thuốc, thức ăn nuôi tôm công nghiệp sử dụng. Do ông L, bà C mua nhiều, nhận được chiết khấu

nhiều, ông L, bà C có mối quan hệ mua bán tôm giống với ông M, bà T nên nhận mua giùm cho ông M và bà T nhằm nhận chiết khấu để mua được giá rẻ. Khi mua bán, thoả thuận cho ông M, bà T nợ lại tiền thuốc và thức ăn nuôi tôm, khi nào kết thúc vụ tôm thì thanh toán cho ông L, bà C. Tuy nhiên, khi kết thúc các vụ tôm ông M và bà T không thanh toán như thoả thuận. Tính đến ngày 05/5/2023, ông M bà T còn nợ lại số tiền 143.289.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 05/5/2023 đến ngày 21/6/2023, ông M, bà T mua thêm khối lượng thức ăn 6640kg, trường hợp ông M, bà T thanh toán đúng hạn sẽ tính giá thức ăn 35.000 đồng/kg. Nhưng ông M, bà T không thanh toán nên không trừ chiết khấu được nên ông L, bà C yêu cầu tính giá thức ăn mỗi kg thức ăn theo giá thị trường là 45.000 đồng. Quá trình mua bán, ông M, bà T có thanh toán cho ông L, bà C số tiền 180.000.000 đồng. Do đó tổng số tiền ông M, bà T nợ lại là  $143.289.000 \text{ đồng} + (6.640\text{kg} \times 45.000 \text{ đồng}) - 180.000.000 \text{ đồng (đã thanh toán)} = 262.000.000 \text{ đồng (làm tròn)}$ . Nguyên đơn yêu cầu ông M, bà T thanh toán cho bà C và ông L số tiền 262.000.000 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền  $143.289.000 \text{ đồng} + (6.640\text{kg} \times 35.000 \text{ đồng}) - 180.000.000 \text{ đồng (đã thanh toán)} = 195.689.000 \text{ đồng}$ .

*Bị đơn là bà Phạm Mai T trình bày:*

Ông L và bà C có đầu tư thức ăn để ông M, bà T nuôi tôm. Thống nhất tính đến ngày 05/5/2023, bà còn nợ lại ông L, bà C số tiền 143.289.000 đồng. Đối với 6640kg mua sau, thoả thuận giá đầu tư 1kg thức ăn giá 35.000 đồng, đơn giá 35.000 đồng/kg tổng thành tiền là 232.400.000 đồng, đã thanh toán cho ông L, bà C 180.000.000 đồng, đối trừ còn nợ lại ông L, bà C số tiền 195.689.000 đồng, đồng ý thanh toán cho ông L, bà C số tiền 195.689.000 đồng.

*Tại biên bản ngày 25 tháng 7 năm 2023, bị đơn là ông Phạm Thanh M trình bày:*

Ông L và bà C có đầu tư thức ăn để ông M, bà T nuôi tôm, thoả thuận giá đầu tư 1kg thức ăn giá 35.000 đồng, thống nhất về số lượng thức ăn đã nhận theo hợp đồng mua bán phía bà C cung cấp, tuy nhiên nhân với giá 35.000 đồng/kg thì tổng thành tiền là 375.400.000 đồng, trong đó đã thanh toán 02 lần, 01 lần 180.000.000 đồng, 01 lần 30.000.000 đồng, đối trừ còn nợ lại ông L, bà C số tiền 165.000.000 đồng, đồng ý thanh toán cho ông L, bà C số tiền 165.000.000 đồng.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ

khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn là bà Phạm Mai T đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn là ông Phạm Thanh M chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên tòa. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 195.689.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông L, bà C với ông M, bà T là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện T nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Phạm Thanh M, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông Phạm Thanh M vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Thanh M theo quy định

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất tính đến ngày 05/5/2023, bà T, ông M còn nợ lại ông L, bà C số tiền 143.289.000 đồng. Đối với 6640kg mua bán từ ngày 05/5/2023 đến ngày 21/6/2023, quá trình giải quyết vụ án các bên không thống nhất về giá.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, phía nguyên đơn và bị đơn là bà Phạm Mai T thống nhất với nhau, sau khi đối trừ số tiền đã thanh toán là 180.000.000 đồng thì bị đơn phải thanh toán cho ông L, bà C số tiền 195.689.000 đồng. Đối với trình bày của ông Phạm Thanh M, cho rằng đã có thanh toán tiền thức ăn, thuốc nuôi tôm cho ông L, bà C 02 lần là 210.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn và bị đơn là bà Phạm Mai T thống nhất với nhau, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 180.000.000 đồng, bị đơn phải thanh toán cho ông L, bà C số tiền 195.689.000 đồng là phù hợp. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Về án phí: Ông Phạm Thanh M và bà Phạm Mai T có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho ông Huỳnh Hoàng L và bà Dương Hồng C nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Hoàng L và bà Dương Hồng C không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 430; khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Thanh M, bà Phạm Mai T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Hoàng L, bà Dương Hồng C số tiền 195.689.000 (Một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Ông Phạm Thanh M, bà Phạm Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.784.000 (Chín triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn) đồng. Ông L, bà C không phải chịu án phí, ông L, bà C có nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 6.552.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007004 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được trả lại.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, có mặt tính kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thị Huệ**